

Bản án số: 183/2024/DS-PT

Ngày: 23-9-2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLPT ngày 26/7/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm: 1975 (có mặt)

Cư trú tại: ấp B, xã L, huyện LN, Bình Phước

Bị đơn: Bà Phùng Thị T1, sinh năm: 1988 (xin vắng mặt)

Ông Phạm Văn K, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cùng cư trú tại: ấp S, xã L, huyện LN, Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Thị H;
Địa chỉ: Công ty TNHH BAT số 7 Lê Quang Định, khu P, thị trấn LN, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** bị đơn Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Đình T trình bày:

Ngày 08/6/2023 ông T cho vợ chồng ông Phạm Văn K, Bà Phùng Thị T1 vay 1.940.000.000 đồng để ông K và bà T1 đáo hạn khoản nợ tại ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay vợ chồng ông K chưa trả nợ. Trước đó, ông T có cho vợ chồng ông K vay tiền theo giấy vay ngày 12/8/2022 và ngày 03/10/2022 (do bị đơn cung cấp) nhưng các khoản vay này các bên đã thanh toán xong nên ông cho vợ chồng ông K vay tiếp. Việc vợ chồng ông K trình bày các khoản vay trước đó được cộng gộp lại thành số tiền gốc và lãi 1.940.000.000 đồng vào ngày 08/6/2023 là không đúng.

Đối với giấy vay tiền ngày 17/4/2023 thể hiện ông K bà T1 vay của ông T 1.000.000.000 đồng: Ngày 16/8/2023, vợ chồng ông K đã trả khoản nợ này cho ông T, bao gồm chuyển khoản 500.000.000 đồng và 500.000.000 đồng tiền mặt. Khoản vay này không liên quan đến khoản vay 1.940.000.000 đồng ngày 08/6/2023.

Về các giấy tờ chuyển khoản vợ chồng ông K cung cấp trước ngày 16/8/2023 và khoản tiền 100.000.000 đồng là trả lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng và khoản vay 1.940.000.000 đồng. Đối với số tiền 4.300.000 đồng ông K chuyển khoản cho ông T ngày 07/6/2023, không liên quan các khoản vay.

Nay ông T yêu cầu: Buộc vợ chồng ông K bà T1 trả số tiền 1.940.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà T1, ông K không trả nợ thì ông T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 10/7/2023 (thỏa thuận miệng) giữa ông T với bà T1, ông K, gồm các thửa đất: Thửa 122, tờ bản đồ 08, diện tích 440,4m² số vào sổ CS 00077, ngày vào sổ ngày 02/6/2016; Thửa 106, tờ bản đồ 08, diện tích 762,2m² số vào sổ CS 000299, ngày vào sổ ngày 25/8/2020; Thửa 116, tờ bản đồ 08, diện tích 347,5m² số vào sổ CS 00780, ngày vào sổ ngày 02/3/2021; Thửa 204, tờ bản đồ 08, diện tích 1306m² số vào sổ CS 01867, ngày vào sổ ngày 26/10/2021; Thửa 230, tờ bản đồ 08, diện tích 4527,8m² số vào sổ CS04031, ngày vào sổ ngày 05/12/2022; Thửa 31, tờ bản đồ 08, diện tích 18.424.000m² số vào sổ H 00108, ngày vào sổ ngày 11/8/2009; Thửa 30, tờ bản đồ 08, diện tích 7385m² số vào sổ CH00515, ngày vào sổ ngày 27/8/2012; Thửa 123, tờ bản đồ 08, diện tích 21642m² số vào sổ CH 00639, ngày vào sổ ngày 08/4/2013; Thửa 127, tờ bản đồ 08, diện tích 1470m² số vào sổ CH 00780, ngày vào sổ ngày 28/10/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu. Cụ thể, ông T yêu cầu buộc vợ chồng ông K bà T1 trả số tiền 1.640.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi

trên số tiền vay theo quy định pháp luật đến nay; ông T rút toàn bộ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất.

Bị đơn Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K trình bày:

Vợ chồng ông K vay tiền ông T nhiều lần: Lần thứ nhất, ngày 12/8/2022 vay 500.000.000 đồng. Lần thứ 2 ngày 12/8/2022 vay 900.000.000 đồng và 500.000.000 đồng. Đối với khoản vay 500.000.000 đồng là vay trước ngày 12/8/2022, đến ngày 12/8/2022 ông K đóng lãi nên hai bên thống nhất ghi lại thành số tiền vay là 500.000.000 đồng. Lần thứ 3, ngày 03/10/2022 vay 70.000.000 đồng. Những giấy tờ vay trên ông T giữ, ông K không giữ chỉ chụp qua điện thoại. Tổng số tiền vợ chồng ông K nợ ông T là 1.470.000.000 đồng, lãi thỏa thuận miệng 6%/ /tháng, vợ chồng ông K đã trả lãi cho ông T khi trả lúc thì chuyển khoản, lúc trả tiền mặt. Vợ chồng ông bà đã trả lãi các khoản vay trên cho ông T từ ngày 12/8/2022 đến ngày 31/12/2022 thì không trả nữa.

Ngày 07/6/2023 các bên thỏa thuận lại vợ chồng ông K nợ ông T tiền gốc 1.470.000.000 đồng và tiền lãi 474.300.000 đồng, cộng lại thành 1.944.300.000 đồng. ông K chuyển khoản cho ông T 4.300.000 đồng nên hai bên thống nhất viết lại giấy vay tổng cộng các khoản lãi và gốc thành 1.940.000.000 đồng. Sau một thời gian, ông T đưa hợp đồng trên cho vợ ông K ký nhận nợ, thời hạn vay số tiền 1.940.000.000 đồng là 01 tháng.

Sau khi xác nhận khoản nợ trên, ông K, bà T1 đã trả nợ cho ông T như sau: Ngày 28/6/2023 trả 23 triệu đồng tiền gốc; ngày 04/7/2023 trả 100 triệu đồng tiền lãi; ngày 10/7/2023 trả 77 triệu đồng tiền gốc; ngày 25/7/2023 trả 100 triệu đồng tiền gốc; ngày 28/7/ trả 100 triệu đồng tiền gốc. Tổng số tiền ông K, bà T1 đã trả nợ cho ông T 300 triệu đồng tiền gốc và 100 triệu đồng tiền lãi.

Ngoài ra, ngày 17/4/2023 ông K, bà T1 còn vay ông T 01 tỷ đồng, lãi suất thỏa thuận như trên. Tới ngày 16/8/2023, các bên thỏa thuận lãi và gốc thì ông K trả tiền gốc cho ông T 01 tỷ đồng, chuyển khoản 500 triệu đồng, 500 triệu đồng tiền mặt, tiền lãi trả bao nhiêu ông K, bà T1 không nhớ. Tuy nhiên, đây là khoản vay khác không liên quan tới khoản vay 1.940.000.000 đồng ông T đang khởi kiện trong vụ án này.

Nay ông K, bà T1 xác định có nợ tiền của ông T. Số tiền nợ cụ thể là sau khi trừ các khoản đã trả 300 triệu đồng vào số tiền gốc 1.470.000.000 đồng và tiền lãi 100 triệu đồng, còn lại bao nhiêu thì ông K, bà T1 đồng ý trả.

Đối với nội dung ông T yêu cầu chuyển nhượng các thửa đất theo thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì ông K, bà T1 không đồng ý, vì ông bà không có thỏa thuận chuyển nhượng đất với ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Buộc Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K liên đới trả cho ông Trần Đình T số tiền 1.877.380.936 đồng (*một tỷ tám trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng*).

Trong đó: Số tiền gốc là 1.609.434.440 đồng, số tiền lãi là 267.946.496 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/7/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/6/2024, bị đơn ông Phạm Văn K, Bà Phùng Thị T1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K phải trả cho ông Trần Đình T số tiền gốc còn nợ là 1.170.000.000 đồng (1.470.000.000 đồng – 300.000.000 đồng tiền gốc đã trả) và tiền lãi chậm trả theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đình T, Bà Phùng Thị T1 và ông Phạm Văn K thừa nhận ông T với vợ chồng ông K bà T1 có vay mượn tiền của nhau nhiều lần. Sau khi vay, ngày 07/6/2023 các bên cùng thỏa thuận chốt các khoản nợ, đến ngày 08/6/2023 các bên thống nhất ông K bà T1 còn nợ của ông

T số tiền 1.940.000.000 đồng. Việc thoả thuận này được xác lập bằng “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 08/6/2023 có chữ ký của các bên.

[2] Vợ chồng ông K cho rằng, vợ chồng có vay tiền của ông T nhiều lần gồm: Ngày 12/8/2022 vay 500.000.000 đồng, ngày 12/8/2022 vay 900.000.000 đồng, ngày 03/10/2022 vay 70.000.000 đồng, tổng cộng là 1.470.000.000 đồng, lãi các bên thoả thuận miêng 6% /tháng. Khi vay tiền có làm giấy vay nhưng ông T giữ toàn bộ, ông K không giữ bản nào. Đối với số tiền 1.940.000.000 đồng thể hiện trong “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 08/6/2023 là xuất phát từ khoản nợ gốc 1.470.000.000 đồng nêu trên, cộng với tiền lãi 474.300.000 đồng, thành số tiền 1.944.300.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông đã chuyển khoản cho ông T 4.300.000 đồng nên hai bên thống nhất viết lại giấy vay tổng cộng các khoản lãi và gốc thành 1.940.000.000 đồng như ghi trong giấy, thời hạn là 1 tháng. Vì vậy, ông K, bà T1 đòi tính lại các khoản vay gốc và lãi từ đầu.

[3] Tuy nhiên, nội dung trình bày về sự thoả thuận nêu trên của vợ chồng ông K không được ông T thừa nhận. Vợ chồng ông K chỉ có lời trình bày mà không có bất cứ giấy tờ hay chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi ông T cho rằng, các khoản vay cũ đã được các bên thanh toán xong thì ông mới cho vợ chồng ông K vay lại bằng giấy vay số tiền 1.940.000.000 đồng ông T đã cung cấp cho Toà án.

[4] Về việc thanh toán: ông T thừa nhận, sau khi các bên ký kết hợp đồng vay tiền ngày 08/6/2023 thì vợ chồng ông K đã trả nợ cho ông T 5 lần (đối với khoản vay 1.940.000.000 đồng) gồm: Ngày 28/6/2023 trả 23.000.000 đồng tiền gốc; ngày 04/7/2023 trả 100.000.000 đồng tiền lãi; ngày 10/7/2023, trả 77.000.000 đồng tiền gốc; ngày 25/7/2023 trả 100.000.000 đồng tiền gốc; ngày 28/7/2023 trả 100.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền vợ chồng ông K đã trả nợ cho ông T là 300.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi.

[5] Từ các nội dung trên thấy rằng, ông T và vợ chồng ông K không thống nhất được khoản vay 1.940.000.000 đồng ngày 08/6/2023 là khoản vay mới hay chỉ là sự xác nhận các khoản vay trước đó. Tuy nhiên, các bên thừa nhận có ký nhận khoản vay này. Sau khi vay, vợ chồng ông K có trả nợ cho ông T 5 lần tiền như nêu tại mục [4]. Như vậy, việc vay mượn giữa ông T với vợ chồng ông K là có thật. ông K trình bày khoản vay ông T đang kiện đòi chỉ là sự xác nhận các khoản vay trước đó nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên có cơ sở xác định ngày 08/6/2023 ông T có cho ông K vay 1.940.000.000 đồng với thời hạn vay là 1 tháng. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông K có vay của ông T khoản tiền này là có căn cứ nên kháng cáo của ông K bà T1 về khoản tiền nợ gốc này không được chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: vợ chồng ông K cho rằng lãi suất các bên thoả thuận là 6%/tháng. ông T thì cho rằng lãi suất không cố định, lúc 6%/tháng lúc ít hơn. Xét thấy, lãi suất các bên đưa ra nêu trên đã vượt quá lãi suất quy định nên lãi suất cần được tính lại theo giới hạn pháp luật cho phép. Cụ thể: lãi trong hạn được tính là 20%/năm. Đối với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, các bên không thoả thuận nên được tính là 10%/năm theo quy định tại Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Toà án cấp sơ thẩm tính tiền lãi chưa đúng nên cần tính lại như sau:

Lãi trong hạn:

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.940.000.000 đồng từ ngày 08/6/2023 đến ngày 28/6/2023 (ngày vợ chồng ông K trả nợ gốc 23.000.000 đồng) là 20 ngày, lãi suất 20%/năm, thành tiền là 21.260.273 đồng;

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.917.000.000 đồng từ ngày 29/6/2023 đến ngày 08/7/2023 (ngày đến hạn trả nợ) là 10 ngày, lãi suất 20%/năm, thành tiền là 10.504.109 đồng;

Lãi chậm thực hiện nghĩa vụ:

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.917.000.000 đồng ngày 09/7/2023 (01 ngày) lãi suất 10%/năm, thành tiền là 525.204 đồng;

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.840.000.000 đồng từ ngày 10/7/2023 đến ngày 24/7/2023 là 15 ngày, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 7.561.627 đồng;

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.740.000.000 đồng từ ngày 25/7/2023 đến ngày 27/7/2023 là 3 ngày, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 1.430.133 đồng;

- Lãi trên số tiền vay gốc 1.640.000.000 đồng từ ngày 28/7/2023 đến ngày 31/5/2024 là 10 tháng 03 ngày, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 138.014.608 đồng;

Tổng cả lãi trong hạn và lãi quá hạn là 179.295.954 đồng.

ông K bà T1 đã trả cho ông T 100.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi còn lại là 79.295.954 đồng. Tiền gốc ông K bà T1 còn nợ là 1.640.000.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi ông K bà T1 phải trả ông T là 1.719.295.954 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Cụ thể, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện LN, đối với phần tiền lãi.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu;

Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị đơn được chấp nhận một phần nên các bị đơn không phải chịu.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các điều 157, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Buộc Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K liên đới trả cho ông Trần Đình T số tiền gốc 1.640.000.000 đồng và tiền lãi 79.295.954 đồng. Tổng cộng 1.719.295.954 đồng (một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

ông K, bà T1 liên đới phải chịu án phí sơ thẩm là 68.321.428 đồng.

Trả lại cho ông Trần Đình T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006058 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bình Phước.

“Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Bà Phùng Thị T1, ông Phạm Văn K không phải chịu.

Trả lại cho ông Phạm Văn K, Bà Phùng Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà T1, ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006359 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bình Phước.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu: HAVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Hiệp